TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỘC NINH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ – ST
Ngày 31-3-2022
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Đức Thọ

2. Bà Trần Xuân Đạm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kỷ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Như Mai Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 103/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021 về việc *"Ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Phạm Thị H**, sinh năm 1974 . (Có đơn xin vắng mặt)

HKTT: ấp Hiệp Hoàn, xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

*** Bị đơn:** Ông **Lê Văn D**, sinh năm 1972. (Có yêu cầu vắng mặt)

HKTT: ấp Hiệp Hoàn, xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Nơi cư trú hiện nay: số 54, KP.10, phường Tân Hòa, TP.Biên Hòa, Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ngày 08/3/2021 và bản tự khai nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Lê Văn D tự nguyện sống chung vào năm 2002 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống tự lập tại xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay nhận thấy vợ chồng không thể quay lại sống chung với nhau được nữa nên bà H xin được ly hôn với ông D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thị Thu H1, sinh năm 1994 và Lê Thị Thu H2, sinh năm 1999. Khi ly hôn các con đã trưởng thành, bà H không yêu cầu giải quyết về người trực tiếp nuôi con. Hiện bà H không có mang thai, vợ chồng không có con nuôi.

Về tài sản chung: Bà H và ông D tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà H và ông D không nợ ai và không ai nợ lại.

** Theo bản tự khai - bị đơn ông Lê Văn D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông D thống nhất lời trình bày của bà H về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống, về thời gian mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Nay bà H xin ly hôn thì ông D đồng ý và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh giải quyết ly hôn cho ông.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thị Thu H1, sinh năm 1994 và Lê Thị Thu H2, sinh năm 1999. Khi ly hôn các con đã trưởng thành, ông D không yêu cầu giải quyết về người trực tiếp nuôi con. Vợ chồng không có con nuôi.

Về tài sản chung: Bà H và ông D tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà H và ông D không nợ ai và không ai nợ lại nên không yêu cầu giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh phát biểu ý kiến:*

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị gì về tố tụng.

- *Về nội dung:* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H.

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Cho bà Phạm Thị H được ly hôn với ông Lê Văn D.

+ *Về con chung:* Không yêu cầu nên không xem xét.

+ *Về tài sản chung:* Bà Phạm Thị H và ông Lê Văn D tự thỏa thuận nên không xem xét.

+ *Về nợ chung:* Bà Phạm Thị H và ông Lê Văn D khẳng định không có nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Phạm Thị H có đơn khởi kiện ly hôn với ông Lê Văn D tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh để giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình làm việc xác định ông Lê Văn D có hộ khẩu thường trú tại xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Sau khi Tòa án xác minh được biết hiện nay ông D đang cư trú tại số 54, KP.10, phường Tân Hòa, TP.Biên Hòa, Đồng Nai. Ông D đã có văn bản đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước giải quyết ly hôn cho ông bà. Như vậy, các đương sự đã có yêu cầu và lựa chọn Tòa án huyện Lộc Ninh để giải quyết tranh chấp, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn và Bị đơn đã có ý kiến và văn bản đề nghị được xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Phạm Thị H và ông Lê Văn D sống chung với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Vì vậy hôn nhân giữa bà Phạm Thị H và ông Lê Văn D là hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện thì bà H cho rằng vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà H xin được ly hôn với ông D. Ông D cũng thống nhất giữa ông D và bà H có mâu thuẫn với nhau và ông D đồng ý ly hôn với bà H.

Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông D đã trầm trọng, cuộc sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định cho bà H được ly hôn với ông D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thị Thu H1, sinh năm 1994 và Lê Thị Thu H2, sinh năm 1999. Khi ly hôn các con đã trưởng thành, ông D và bà H không yêu cầu giải quyết về người trực tiếp nuôi con. Vợ chồng không có con nuôi, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Bà H và ông D tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà H và ông D khẳng định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bà H phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng).*

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện Lộc Ninh là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 58 Luật hôn nhân gia đình;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phạm Thị H được ly hôn với ông Lê Văn D.

2/ Về con chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3/ Về tài sản chung: Bà Phạm Thị H và ông Lê Văn D tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4/ Về nợ chung: Bà Phạm Thị H và ông Lê Văn D khẳng định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 019630 ngày 02/4/2021.

6/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *VKS huyện Lộc Ninh;*
- *THADS huyện Lộc Ninh;*
- *UBND xã Lộc Hiệp*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Quyết